TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 341 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26/7/2022
"V/v: Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Mai**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Tiến Lợi**; Bà **Nguyễn Thị Hà**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Vương -** Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 142/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/6/2022 giữa các đương sự:

1. **Nguyên Đơn:** Chị Nguyễn Thị H – sinh năm 1983. Có đơn xin xét xử vắng mặt

2. **Bị đơn**: Anh Nguyễn Quang T – sinh năm 1980. Vắng mặt.

Đều ĐKHKTT: Thôn YS, xã ĐL, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, ý kiến tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Quang T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 25/3/2003 tại UBND xã ĐL, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội).

Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn tới hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2005 đến nay, vợ chồng không quan tâm, không liên lạc với nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Trong thời gian ly thân, anh T có về thăm nhà nhưng vợ chồng không trao đổi, nói chuyện với nhau. Anh T đi làm ăn xa, chị cùng con trai ở cùng nhau. Vợ chồng chị không còn quan hệ tình cảm từ năm 2005 đến nay.

Do mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chị ngày càng trở nên trầm trọng, không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị với anh T để chị ổn định cuộc sống, yên tâm nuôi con.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang H sinh ngày 14/12/2004. Hiện cháu H đang học lớp 12 trường Trung học phổ thông Chương Mỹ A thuộc thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội; cháu H đang sống cùng chị. Khi ly hôn chị xin được nuôi con chung. Chị không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp anh T có nguyện vọng nuôi con, chị sẽ đồng ý khi anh T là người trực tiếp đến Toà án trình bày ý kiến.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị H đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải do vợ chồng sống ly thân từ năm 2005, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt nên khả năng hàn gắn rất khó. Do chị bận đi làm nên không đến làm việc nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Do anh Nguyễn Quang T vắng mặt tại nơi cư trú do đó Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Quang T2 là bố đẻ anh T và tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

*** Ông Nguyễn Quang T2 (bố đẻ anh T) trình bày**: Anh T đi làm xa từ năm 1998. Năm 2003 anh T và chị H cưới nhau, gia đình ông T2 vào Sài Gòn tổ chức lễ cưới. Anh T hiện làm nghề xuất nhập khẩu gỗ cho Công ty nào thì ông không rõ, ông chỉ biết Công ty có trụ sở ở Đà Nẵng; anh T cũng không có chỗ làm và chỗ ở cố định nên ông T2 không biết địa chỉ chính xác. Gia đình ông T2 chỉ liên lạc với anh T qua điện thoại . Năm nào anh T cũng về thăm nhà hai lần. Năm 2020 chị H đã làm đơn xin ly hôn với anh T sau đó gửi đơn ly hôn về gia đình ông, anh T đã đồng ý và ký vào đơn ly hôn. Nội dung là đồng ý ly hôn còn việc cháu Nguyễn

Quang H muốn ở với ai là tuỳ cháu, cháu H ký là đồng ý ở với bố là anh T. Trong đơn ly hôn chị H viết còn có thoả thuận nếu ai nuôi con thì không yêu cầu phía bên kia phải cấp dưỡng nuôi con.

Hiện tại thời điểm này chị H làm xin ly hôn với anh T như nội dung này thì ông mới biết. Anh T chỉ chấp nhận nội dung như lá đơn ly hôn chị H đã viết năm 2020 có chữ ký của anh T và con chung là cháu H đã ký.

Ông T2 không có ý kiến gì về việc ly hôn giữa anh T và chị H vì đây là việc riêng giữa hai vợ chồng anh chị. Nếu anh T về để gia đình đoàn tụ là điều rất khó vì thực tế vợ chồng anh T, chị H đã có mâu thuẫn từ năm 2018. Từ thời điểm vợ chồng anh T, chị H kết hôn thì cứ mỗi năm hai vợ chồng mới về thăm nhà một lần. Nhưng từ năm 2018 đến nay, chị H đã không về nhà ông mà chỉ có mỗi cháu H thỉnh thoảng về thăm ông bà vào cuối tuần. Gia đình ông không chấp nhận chị H là con dâu nữa nếu chị H không về xin lỗi.

Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 14/12/2004. Cháu H đang học lớp 12 trường THPT CMA. Hiện tại cháu H đang thuê trọ một mình ở thị trấn CS, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Trường hợp anh T và chị H ly hôn, cháu H muốn ở với ai thì cháu H tự quyết định, gia đình ông cũng đồng ý.

*** Xác minh tại Công an xã ĐL:** Anh Nguyễn Quang T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã ĐL, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Anh T hiện không sinh sống, làm việc tại địa phương, nhưng không làm thủ tục cắt khẩu và xin tạm vắng tại địa phương.

* Cháu Nguyễn Quang H có nguyện vọng ở với mẹ là chị H.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ. Bị đơn không chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ.

+ Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị cho chị H được ly hôn anh T. Về con chung: Đề nghị giao con chung là cháu Nguyễn Quang H cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề nghị xem xét. Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện đối với anh Nguyễn Quang T về việc xin ly hôn, nuôi con chung sau ly hôn, nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn – anh Nguyễn Quang T không sinh sống tại xã ĐL, huyện Chương Mỹ nhưng gia đình anh T không cung cấp được địa chỉ chính xác và do anh T hiện vẫn có hộ khẩu thường trú tại xã ĐL, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của Nguyên đơn – Chị Nguyễn Thị H: Do chị H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H.

[1.3]. Về sự vắng mặt của Bị đơn – Anh Nguyễn Quang T: Do anh T và gia đình anh T không cung cấp địa chỉ chính xác hiện anh T đang sinh sống ở đâu nên thuộc trường hợp anh T cố tình giấu diếm địa chỉ. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật, nhưng anh T vẫn không có ý kiến, quan điểm gửi về Tòa án huyện Chương Mỹ trước yêu cầu khởi kiện của chị H. Anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt của anh Nguyễn Quang T.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Quang T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/3/2003 tại UBND xã ĐL, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời khai của chị Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Quang T2 (bố đẻ anh T), Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng chị H và anh T đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng ly thân từ năm 2005 đến nay. Anh T đi làm tại công ty xuất nhập khẩu gỗ tại Đà Nẵng, một năm về thăm nhà 02 lần. Vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương nhau. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật và cũng nhiều lần gửi lịch làm việc cho gia đình anh T để thông báo cho anh T nhưng anh T không đến Tòa án làm việc, điều này thể hiện anh T không muốn khắc phục, cải thiện quan hệ vợ chồng. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị H được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2]. Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là Nguyễn Quang H, sinh ngày 14/12/2004.

Xét nghĩa vụ nuôi con chung sau khi ly hôn thì thấy: Chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung; hiện cháu H đang ở cùng chị H; nguyện vọng của cháu Nguyễn Quang H là muốn ở với chị H. Anh T đang đi làm xa, không có quan điểm về việc nuôi dưỡng con chung trước yêu cầu xin ly hôn của chị H. Bố đẻ anh T là ông T2 không có ý kiến gì, đồng ý theo nguyện vọng của cháu H. Mặt khác, cháu H đang học tập tại thị trấn CS, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Để ổn định cuộc sống, học tập và theo nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Quang H cho chị H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hợp lý.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Chị H không đề nghị anh T cấp dưỡng. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Quang T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Quang T có 01 con chung là Nguyễn Quang H, sinh ngày 14/12/2004.

Giao con chung là Nguyễn Quang H cho chị Nguyễn Thị H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Quang T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; được đối trừ với 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo "Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án" số AA/2020/0075783 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ ngày 29/3/2022.

Nguyên đơn, Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết hợp lệ./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã ĐL (Số 10/2003);
- Lưu: Hồ sơ /V.phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Mai

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hà **Phạm Tiến Lợi** **Nguyễn Thị Tuyết Mai**